

Bản án số: 158/2025/HC- PT

Ngày: 13 - 03 - 2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính không
cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm

 ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Hồng Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** ông Lê Phước Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà
Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 367/2024/TLPT-
HC về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính không cấp
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2024/HC-ST ngày 02 tháng 8 năm
2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 425/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng
02 năm 2025, giữa các đương sự:

1 - Người khởi kiện: ông **Nguyễn T** (chết ngày 09/7/2024) và bà **Lưu Thị
Thanh T1**, sinh năm 1942; nơi cư trú: **Số F N, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú
Yên**.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **T** gồm:

+ Bà **Lưu Thị Thanh T1**, sinh năm 1942; nơi cư trú: **F N, Phường I, T, tỉnh
Phú Yên**.

+ Ông **Nguyễn Anh T2**, sinh năm 1965, nơi cư trú: **Khu phố C, phường P,
thành phố T, tỉnh Phú Yên**.

+ Bà **Nguyễn Thị Minh T3**, sinh năm 1972, nơi cư trú: **Thôn Đ, xã H,
huyện P, tỉnh Phú Yên**; có mặt.

+ Ông Nguyễn Anh T4, sinh năm 1975, nơi cư trú: C H, phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

Ông Lê Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1999; nơi cư trú: Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

Ông Lê Huy V, sinh năm 2001; nơi cư trú: B N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh P; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Phú Yên.

+ Ủy ban nhân dân Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

+ Công an tỉnh P; người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Công an tỉnh P: ông Nguyễn Trí P, Phó Trưởng phòng Phòng Hậu cần Công an tỉnh P; có mặt.

4- Người kháng cáo: Công an tỉnh P, có người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Trí P, Phó Trưởng phòng Hậu cần; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện trình bày:

Ngày 24/12/2020, vợ chồng ông Nguyễn T, bà Lưu Thị Thanh T1 đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T, bà T1 đối với thửa đất số 1077, tờ bản đồ 255-A, địa chỉ tại khu phố P, Phường I, thành phố T. Tuy nhiên, đến ngày 19/8/2022 ông T, bà T1 nhận được Quyết định số 1180/CNVPĐKĐĐ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T về việc chuyển trả hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không đồng ý với Quyết định trên, vợ chồng ông T cho rằng: Gia đình ông làm ăn, sinh sống trên thửa đất này hơn 30 năm và không tranh chấp với ai nên đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Gia đình ông tạo lập đất từ năm 1984 trên cơ sở chuyển nhượng của ông Nguyễn Đình C (Lúc này ông C là chủ nhiệm HTX của L) với giá trị là 02 chỉ vàng và ông C đã giao diện tích đất tại số thửa 1077, tờ bản đồ 255-A, tại khu phố P. Năm 1986 gia đình ông T đã được UBND xã B, thị xã T (nay là Phường I, thành phố T) đồng ý cho nhập khẩu vào địa phương, sinh sống tại thửa đất này. Đến năm 1989, sau khi tách từ tỉnh Phú Khánh ra thì Công an tỉnh P mua lại diện tích đất của HTX của Liên H để dùng nơi làm việc cho Phòng C2. Trong phần diện tích đất này thì đã có 02 hộ dân đang sinh sống là gia đình ông T ở phía Nam và gia đình của bà Lê Thị Kim C1 ở phía bắc Phòng Cảnh sát giao thông. Quá trình mua bán hai bên như

thể nào nhưng HTX L1 không thông báo cho gia đình ông T và gia đình bà C1 biết, nên xảy ra tranh chấp. Ngày 20/10/1993, Tòa án nhân dân thị xã Tuy Hòa xét xử sơ thẩm bác đơn khởi kiện, buộc gia đình chúng tôi (gia đình ông T và gia đình bà C1) trả lại diện tích đất cho Công an tỉnh P. Hai gia đình không đồng ý nên kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Tại Bản án phúc thẩm số 09/PT-DS ngày 03/5/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định hủy toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm, trả lại đơn khởi kiện cho đương sự. Sau khi có kết quả xét xử phúc thẩm gia đình ông T vẫn sinh sống làm ăn ổn định đến nay và không bị ai tranh chấp, kiện tụng nữa.

Ông T, bà T1 làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên nhưng không được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T chấp nhận. Do đó, vợ chồng ông T, bà T1 khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên buộc: Ủy ban nhân dân thành phố T; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T, bà T1 đối với thửa đất số 1077, tờ bản đồ 255-A, địa chỉ tại khu phố P, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Người bị kiện trình bày: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T không có văn bản trình bày ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T: không có văn bản trình bày ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan I, thành phố T: không có văn bản trình bày ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo uỷ quyền Công an tỉnh P trình bày:

Giữ nguyên ý kiến trình bày theo Công văn số 5855/CAT-PV01 ngày 24/11/2023 của Công an tỉnh P.

Ngày 18/9/1989, cơ sở xẻ gỗ Liên H đã chuyển nhượng toàn bộ xưởng cưa cho Công an tỉnh P bao gồm các tài sản và đất với diện tích là 2.400m². Trên diện tích đất này có hộ bà Lê Thị Kim C1 sử dụng làm cơ sở thuộc da và hộ gia đình ông Nguyễn T, bà Lưu Thị Thanh T1 sử dụng làm chuồng nuôi dê. Trước đây hộ gia đình ông T, bà T1 cư trú tại xã H, thị xã T, Phú Yên (nay là xã H, huyện P, Phú Yên); đến tháng 2/1986, ông T được cơ sở cưa xẻ gỗ Liên Hưng tạo điều kiện đến ở tạm trên một phần nhỏ diện tích đất, với mục đích nuôi dê và làm bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi đến ở, ông T đã coi nói chuồng trại thành nhà ở và đưa gia đình đến ở trái phép. Từ năm 1989 đến 1990, UBND thị xã T, UBND xã B, Công an xã B và Cơ sở cưa xẻ gỗ Liên Hưng nhiều lần làm việc giải quyết yêu cầu hộ ông T, bà T1 di chuyển toàn bộ nhà cửa, công trình ra khỏi vị trí đất nói trên nhưng hộ ông T, bà T1 không di dời, xin ở lại thêm thời gian và chiếm đất sử dụng trái phép từ đó cho đến nay.

Ngày 06/01/2014, UBND tỉnh P đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 390200, thửa đất số 327, tờ bản đồ số 255-A, diện tích 1.511m², địa

chỉ đường N, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên, mục đích sử dụng: Đất an ninh, thời hạn sử dụng: Lâu dài; nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho Công an tỉnh P, diện tích đất này là một phần diện tích đất mà Công an tỉnh nhận chuyển nhượng từ Cơ sở cửa xẻ gỗ Liên Hưng; phần diện tích đất còn lại do hộ bà Lê Thị Kim C1 và hộ gia đình ông T, bà T1 chiếm, sử dụng trái phép cho đến nay. Do đó, thửa đất vợ chồng ông T và bà T1 đang khởi kiện là diện tích đất thuộc quyền sử dụng của Công an tỉnh P có nguồn gốc nhận chuyển nhượng hợp pháp từ Cơ sở cửa xẻ gỗ L2.

Sau khi phát hành Bản án dân sự phúc thẩm số 09/PT-DS ngày 03/5/1994 thì Công an tỉnh P không có thỏa thuận gì khác với vợ chồng ông T, bà T1. Công an tỉnh P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, vì việc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T, bà T1 là có cơ sở.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2024/HC-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Áp dụng các Điều 30; khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 20, 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn T, bà Lưu Thị Thanh T1 về yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1077, tờ bản đồ 255-A, địa chỉ: Khu phố P, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên cho ông T, bà T1 theo quy định của pháp luật.

Hủy Công văn số 1180/CNVPDKDD ngày 28/7/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 15-8-2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công an tỉnh P kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm. Nêu lý do kháng cáo là thửa đất 1077 tờ bản đồ số 255-A có nguồn gốc của Cơ sở gỗ L2 sử dụng trước năm 1975 và tiếp tục hoạt động đến năm 1989, các cơ sở vật chất, văn phòng, phân xưởng đều nằm trên diện tích đất 2.400m². Ngày 18-9-1989 Cơ sở L2 đã chuyển nhượng toàn bộ tài sản và ranh giới hoạt động trên diện tích đất 2.400m² cho Công an tỉnh P. Cơ sở L2 do các cá nhân Nguyễn Đình C, Huỳnh Sỹ T5, Lê Đình H1, Đoàn Văn P1, Trần Lương T6 góp vốn làm ăn; do đó ông Nguyễn Đình C không có đủ thẩm quyền chuyển nhượng cho ông T bà T1. Do thửa đất 1077 nằm trong diện tích đất 2.400m² nên không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho

ông T bà T1 là đúng. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, công nhận thửa đất 1077 và tài sản gắn liền với đất cho Công an tỉnh P.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo, trình bày ý kiến là theo sơ đồ địa điểm xướng cưa lập ngày 09-6-1989 thì không có thông tin về diện tích đất mà vợ chồng ông T bà T1 đang ở. Diện tích đất mà gia đình bà T1 đang ở nằm hoàn toàn trong thửa đất 2.400m² mà Cơ sở gỗ Liên Hưng đã chuyển nhượng cho Công an tỉnh P. UBND tỉnh P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho Công an tỉnh 02 thửa đất 319 và 327 cùng tờ bản đồ 255-A, có tổng diện tích 3.573m²; tuy nhiên thửa 319 ở vị trí khác không liên quan đến thửa đất mà Công an tỉnh P nhận chuyển nhượng từ Cơ sở gỗ L. Ông T bà T1 chỉ được Chủ nhiệm HTX L1 cho tạm ở, không có tài liệu về việc chuyển nhượng đất hợp pháp từ Cơ sở gỗ L2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ ba, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo: gia đình bà T1 đã sử dụng đất từ rất lâu, đã xây dựng nhà ở 03 tầng kiên cố, có tường nhà bao quanh thể hiện rõ về ranh giới; diện tích đất này không ảnh hưởng đến diện tích đất mà Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công an tỉnh P. Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, người kháng cáo không có tài liệu gì mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án cấp sơ thẩm đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện:

Ngày 24/12/2020, vợ chồng ông T nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất vợ chồng ông T, bà T1 đang sinh sống tại thửa đất số 1077, tờ bản đồ 255-A, địa chỉ: Khu phố P, Phường I, thành phố T. Ngày 19/8/2022, vợ chồng ông T nhận được Quyết định số 1180/CNVPĐKĐĐ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T về việc chuyển trả hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ccho vợ chồng ông T. Không đồng ý với Quyết định nêu trên, nên ngày 15/9/2022 vợ chồng ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu: Ủy ban nhân dân thành phố T, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P tiếp nhận hồ sơ của ông bà để thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1077, tờ bản đồ 255-A, địa chỉ khu phố P, Phường I, thành phố T.

[3] Xét về nguồn gốc sử dụng đất của vợ chồng ông T, bà T1:

Nguồn gốc đất **Cơ sở L2 (HTX L1)** do các ông: **Nguyễn Đình C, Huỳnh Sỹ T5** và ông **Trần Lương T6** góp vốn làm ăn từ trước năm 1975. Sau giải phóng năm 1975 thì **Cơ sở L2** đóng cửa không hoạt động mà chuyển đi nơi khác lập xưởng sản xuất. Đến giai đoạn năm 1987-1989 **Cơ sở L2** quay lại vị trí cũ để lập xưởng sản xuất. Lúc này trên diện tích đất của **Cơ sở L2** đã tồn tại 02 Cơ sở tư nhân gồm: Cơ sở chăn nuôi dê của vợ chồng ông T, bà T1 và cơ sở thuộc da của vợ chồng ông H2, bà C1 đã có từ năm 1975-1976.

Đối với cơ sở chăn nuôi dê và nhà ở của vợ chồng ông T: Vào năm 1976 ông **Nguyễn Đình C** (chủ nhiệm **HTX L1**) có yêu cầu và thỏa thuận với vợ chồng ông T vào làm bảo vệ cho **HTX L1** với điều kiện làm không hưởng lương của HTX, ông C có thỏa thuận để cho gia đình ông T, bà T1 một phần diện tích đất xây dựng chuồng trại nuôi dê và làm nhà ở trên khuôn viên đất này (BL 213). Theo đo đạc thực tế hiện nay là 308,5m².

Quá trình sử dụng đất vợ chồng ông T đã làm đơn xin nhập hộ khẩu vào **Ủy ban nhân dân xã B** (nay là **Phường I, thành phố T**), được chính quyền địa phương xác nhận ngày 25/7/1989 và được nhập khẩu vào **khu phố P, xã B, thị xã T** vào ngày 10/9/1991 (BL 170, 181, 182), hộ gia đình ông T đã nộp thuế sử dụng đất theo biên lai thu từ năm 1993 (BL-173) đến năm 2019 (BL-03). Hiện nay, gia đình ông T bà T1 đã xây dựng nhà ở kiên cố trên đất; không có tranh chấp với các ông: **Nguyễn Đình C, Huỳnh Sỹ T5, Trần Lương T6** và các cá nhân, hộ gia đình khác. Bản đồ địa chính năm 2004 thì phần diện tích đất này được thể hiện là thửa đất riêng.

Vợ chồng ông T bà T1 cho rằng ông bà đã nhận được sự đồng ý chuyển nhượng và bàn giao đất của ông **Nguyễn Đình C** (chủ nhiệm HTX của L) với giá trị là 02 chỉ vàng, đây là đất của cá nhân góp vào để hoạt động, cho nên không có sự tranh chấp đất đai giữa gia đình ông với các thành viên của Cơ sở của **Công an tỉnh P** đã nhận chuyển nhượng tài sản của Cơ sở xẻ gỗ **Liên H**, nhưng không bao gồm phần đất và tài sản trên đất mà vợ chồng ông T, bà T1 đang sử dụng tại thời điểm đó.

[3] Xem xét kháng cáo:

Người kháng cáo cho rằng ngày 18/9/1989, Cơ sở của xẻ gỗ **Liên H** đã chuyển nhượng toàn bộ xưởng của cho **Công an tỉnh P** bao gồm các tài sản và đất gắn liền với diện tích là 2.400m². Theo Giấy chuyển nhượng các bên ký thì nội dung chuyển nhượng là tài sản gồm nhà xưởng, dụng cụ văn phòng, thiết bị máy móc, hồ sơ trích lục đất, giấy phép xây dựng, giấy phép thành lập Cơ sở gỗ **Liên Hưng**. Toàn bộ tài sản trên gắn liền với nhà xưởng xây dựng trên diện tích đất 2.400m² và hai bên đã lập biên bản bàn giao vào ngày 29/12/1989 (BL 251, 252).

Như vậy, **Công an tỉnh P** đã nhận chuyển nhượng Cơ sở gỗ **Liên Hưng**, nhưng nội dung giấy chuyển nhượng không bao gồm chuyển nhượng về quyền sử dụng đất, mà chỉ xác định các tài sản của Cơ sở **Liên Hưng** có trên đất. Không

xác định phần tài sản của Cơ sở chăn nuôi dê của hộ gia đình ông **T** nằm trong thoả thuận chuyển nhượng giữa **Cơ sở gỗ L2** và **Công an tỉnh P**. Đối với quyền sử dụng đất thì tại thời điểm đó pháp luật về đất đai cấm mọi hình thức mua bán chuyển nhượng đất đai (Điều 5 và Điều 53 Luật đất đai 1987); chỉ cho phép chuyển quyền trong một số trường hợp thuộc phạm vi của Hợp tác xã, hộ gia đình.. được quy định tại Điều 16 Luật đất đai 1987. Trụ sở Cơ quan Công an nhân dân được Nhà nước giao đất để hoạt động. **Cơ sở L2** không bàn giao trên thực tế phần diện tích đất mà ông **T** bà **T1** đang sử dụng; đồng thời, Giấy chuyển nhượng ngày 18-9-1989 không có hiệu lực đối với quyền sử dụng đất diện tích mà ông **T** bà **T1** đang sử dụng.

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho **Công an tỉnh P** đối với khu đất tại **khu phố P, Phường I, thành phố T** thấy rằng: Ủy ban nhân dân tỉnh **P** đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho **Công an tỉnh P** gồm 02 thửa đất, thửa đất số 319, diện tích 2.062m² và thửa 327, diện tích 1.511m², cùng tờ bản đồ 255-A, địa chỉ **đường N, Phường I, thành phố T**, nên tổng diện tích mà **Công an tỉnh P** được cấp là: 2.062m² + 1.511m² = 3.573m². Trong khi đó diện tích đất vợ chồng ông **T** yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1077, tờ bản đồ 255-A không ảnh hưởng đến diện tích đất đã cấp cho **Công an tỉnh P**. Do đó, kháng cáo của **Công tỉnh P** không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ các căn cứ đã nhận định như trên, Hội đồng xét xử thấy Vợ chồng ông **T** bà **T1** đã quản lý, sử dụng đất ổn định, có nhà ở xây kiên cố 03 tầng trên đất, đủ điều kiện để được kê khai đăng ký về quyền sử dụng đất, đồng thời thực hiện các thủ tục để xin được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số thửa 1077, tờ bản đồ 255-A, địa chỉ tại **khu phố P, Phường I, thành phố T** là phù hợp với các Điều 20, 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013.

Công văn số 1180/CNVPDKDD ngày 28/7/2021 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T** ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông **T** bà **T1**. Do đó, cần phải hủy để Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T** tiếp tục thực hiện các thủ tục về đất đai theo chức năng thẩm quyền đối với trường hợp của bà **T1**. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông **T** bà **T1** là phù hợp với quá trình sử dụng đất trên thực tế và hiện trạng sử dụng đất. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về án phí phúc thẩm người kháng cáo phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính; Bác kháng cáo của Công an tỉnh P và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2024/HC-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Áp dụng các Điều 30; khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 20, 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn T, bà Lưu Thị Thanh T1 về yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1077, tờ bản đồ 255-A, địa chỉ: Khu phố P, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên cho ông T, bà T1 theo quy định của pháp luật.

Hủy Công văn số 1180/CNVPDKDD ngày 28-7-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Phú Yên.

3. Án phí hành chính phúc thẩm, người kháng cáo phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0004484 ngày 20-9-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao- Vụ III;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Tấn Long